



Mã số/ Code: DV151811065/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ : TRƯỜNG MẦM NON HỌA MY
Customer's Name
2. Địa chỉ/ : Phố Ao Sen, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Address
3. Tên mẫu thử/ : Nước sinh hoạt
Name of Sample
4. Mô tả mẫu/ : Mẫu đựng trong chai nhựa nắp kín, thể tích: 1,5L/chai, số lượng: 2 chai
Sample Description
5. Ngày nhận mẫu/ : 18/05/2026
Date sample received
6. Thời gian lưu mẫu/ : Lưu mẫu 15 ngày
Sample retention time sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ : 18/05/2026-27/05/2026
Date of test
8. Ngày trả kết quả/ : 27/05/2026
Date of issue

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023
2	Clor dư *	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6225-2:2021
3	Độ đục *	NTU	0,07	SMEWW 2130B:2023
4	Màu sắc *	mgPt/L	KPH (LOD = 1,5)	TCVN 6185:2015
5	Mùi	-	Không có mùi	Cảm quan
6	pH *	-	7,15	TCVN 6492:2011
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) *	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	TCVN 6179-1:1996
8	Chỉ số permanganat *	mg/L	< LOQ = 0,5	TCVN 6186:1996
9	Coliforms *	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187-1:2019
10	E. coli *	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187-1:2019



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151811065/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	<i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/100mL	< 1	SMEWW 9213B:2023
12	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	CFU/100mL	< 1	TCVN 8881:2011

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151811065/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : TRƯỜNG MẦM NON HÒA MY
2. Địa chỉ/ Address : Phố Ao Sen, Phường Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Nước sinh hoạt
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong chai nhựa nắp kín, thể tích: 1,5L/chai, số lượng: 2 chai
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 18/05/2026
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 18/05/2026-27/05/2026
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 27/05/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Arsen (As) *	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 3125B:2023
2	Clor dư *	mg/L	KPH (LOD = 0,06)	TCVN 6225-2:2021
3	Độ đục *	NTU	0,07	SMEWW 2130B:2023
4	Màu sắc *	mgPt/L	KPH (LOD = 1,5)	TCVN 6185:2015
5	Mùi	-	Không có mùi	Cảm quan
6	pH *	-	7,15	TCVN 6492:2011
7	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) *	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	TCVN 6179-1:1996
8	Chỉ số permanganat *	mg/L	< LOQ = 0,5	TCVN 6186:1996
9	Coliforms *	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187-1:2019
10	E. coli *	CFU/100mL	< 1	TCVN 6187-1:2019



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Lifestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151811065/01

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
11	<i>Staphylococcus aureus</i> *	CFU/100mL	< 1	SMEWW 9213B:2023
12	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	CFU/100mL	< 1	TCVN 8881:2011

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM

QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG

DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH HÀ ĐÔNG

Địa chỉ: Số 2A Nguyễn Trãi - P. Hà Đông - Hà Nội

Tel: 02433.527.332 Email: nuocsachhadong.tnn@gmail.com



VILAS 1291



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NƯỚC

Số: 251105/1022

Tên/địa chỉ khách hàng:
Mô tả mẫu:
Ngày lấy mẫu:
Ngày phân tích:
Địa điểm thử nghiệm:
Kết quả phân tích như sau:

Trường Mầm non Hoa Mi, Phố Ao Sen, P. Hà Đông, Hà Nội.
01 chai 1500ml (khách hàng gửi mẫu)
05/11/2025
05/11 - 12/11/2025
Tại Phòng Thí nghiệm Công ty

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Trực tiếp	QCVN 01-1:2024/BYT
1	Coliform	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
2	E.coli hoặc coliform chịu nhiệt	SMEWW 9221:2023	CFU/100ml	KPH	< 1
3	Màu sắc	SMEWW 2120 B:2023	TCU	6	15
4	Mùi	Cảm quan	-	Không mùi lạ	Không mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	-	7,41	6,0 - 8,5
6	Độ đục (*)	TCVN 6184:2008	NTU	0,49	2
7	Clo dư tự do	SMEWW 4500 Cl.F:2023	(mg/l)	0,41	0,2 - 1,0
8	Chỉ số Pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	(mg/l)	< 1,00	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)	HADO 03.2024	(mg/l)	KPH (LOD = 0,08)	1
10	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW2540-C:2023	(mg/l)	94	1000
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	(mg/l)	80	300

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Khuyến cáo nhà trường thường xuyên vệ sinh các thiết bị, thau rửa bể chứa nước theo định kỳ để đảm bảo chất lượng nước sử dụng.

(-): Không đơn vị/ Không phân tích.

(KPH): Không phát hiện.

(LOD): Là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Hà Đông, ngày 12 tháng 11 năm 2025

TÒ XÉT NGHIỆM

PHÒNG THÍ NGHIỆM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tô Anh Quân

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông.

4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Phòng Thí nghiệm & QLCL Nước.